

NHỮNG THÔNGIỆP TƯ TƯỞNG VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC TRONG SÁNG TÁC VĂN CHƯƠNG CỦA HỒ CHÍ MINH

◆ PGS.TS. TRẦN VĂN MINH

Tư tưởng Hồ Chí Minh đã hình thành và phát triển gắn liền với lịch sử đấu tranh cách mạng trong thế kỷ XX, bao gồm một hệ thống quan điểm mang ý nghĩa phương pháp luận, làm cơ sở để giải quyết những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Trong đêm trường nô lệ trước 1945, hệ tư tưởng ấy chính là sự mặc khải tài ba về mối quan hệ hữu cơ giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, có nội dung cốt lõi là giải phóng giai cấp và giải phóng con người khỏi áp bức, bất công. Thực tế đã chứng minh rằng đây là nhân tố mang ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đặc biệt, ở những khúc quanh lịch sử, khi mà một số luận điểm của chủ nghĩa Marx-Lenin ít nhiều bị các thế lực cực đoan xuyên tạc, hoài nghi thì hơn lúc nào hết, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn tỏ rõ tính đúng đắn, khách quan khoa học về lý luận và linh hoạt, mềm dẻo, hữu hiệu khi vận dụng vào thực tiễn.

Kể từ lúc được nêu chính thức lần đầu trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần VII (1991), gần 30 năm nay, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành đối tượng nghiên cứu, khám phá của nhiều học giả trong và ngoài nước. Có hẳn môn học *Tư tưởng Hồ Chí Minh* trong khối kiến thức đại cương ở bậc đại học dành cho tất cả các ngành và một

chuyên đề trong nội dung cơ bản để bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo ở các bậc sơ, trung, cao cấp. Hầu như mọi khía cạnh của vấn đề: từ nguồn gốc, bản chất đến các khái niệm, các bình diện nội dung thể hiện, từ đặc điểm cơ bản đến tiềm năng vận dụng trong quá trình đấu tranh cách mạng đều được nghiên cứu triệt để với những cách tiếp cận đa dạng và đã mang lại hiệu quả thiết thực. Song, việc khảo sát biểu hiện của hệ tư tưởng ấy trong những sáng tác văn chương của Người để trên cơ sở đó, vận dụng vào thực tiễn công tác tuyên giáo sao cho sinh động, thuyết phục để đạt hiệu quả tốt hơn vẫn còn mới mẻ, chưa có người khai vỡ. Rõ ràng, đây là một điểm cần bổ khuyết trong toàn cảnh nghiên cứu, học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh ở nước ta hiện nay. Ai cũng thừa nhận rằng “văn là người” và “văn học là nhân học”, nghĩa là nếu chú mục vào “văn” hẳn sẽ nhận ra “người”. Cố nhiên, những phẩm chất tư tưởng, tình cảm của “người” không chỉ được hiển lộ toàn vẹn trong “văn”; còn có những phương cách thể hiện khác như qua hành động, thái độ, giao tiếp ứng xử. Nhưng hoàn toàn có thể khẳng định rằng: sáng tác văn chương là nơi con người luôn ký thác những bức thông điệp tư tưởng, tình cảm sâu sắc, tinh tế và mang tính bản chất nhất.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống lý luận giàu sức khái quát, bao trùm hầu hết các lĩnh vực đời sống cách mạng. Bên cạnh đó, sự nghiệp sáng tác của Hồ Chí Minh rất đa dạng: theo nhiều thể loại khác nhau, cả sáng tác trong và ngoài nước, bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Ở bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung khảo sát những biểu hiện của tư tưởng về văn hóa và đạo đức trong các tác phẩm văn chương do Hồ Chí Minh sáng tác, chủ yếu ở ba mảng chính: thơ ca, truyện ký, văn chính luận.

Như đã biết, khi công cuộc đổi mới diễn ra (tính từ giữa thập niên 80 của thế kỷ XX), một số luận điểm của chủ nghĩa Marx-Lenin về các tiêu chí của xã hội xã hội chủ nghĩa và chuẩn mực đạo đức của con người mới, nguyên tắc làm theo năng lực hưởng theo lao động trong toàn xã hội và cơ chế bao cấp, Nhà nước quản lý xã hội một cách tập trung theo những kế hoạch được hoạch định sẵn... dần bộc lộ sự bất cập trong cơ chế thị trường. Trong bối cảnh đó, tư tưởng Hồ Chí Minh - mà nòng cốt là sự hài hòa, dung hợp văn hóa Đông-Tây - và tinh thần vận dụng linh hoạt chủ nghĩa Marx-Lenin vào công cuộc đấu tranh cách mạng đã trở thành phương châm chỉ đạo chiến lược cho đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mặt khác, cần nhận thức một cách sâu sắc rằng: không đơn thuần là một hệ thống lý luận chỉ phát huy giá trị đối với các cấp lãnh đạo, quản lý, tư tưởng Hồ Chí Minh còn mang tính thực tiễn rất cao, hoàn toàn khả thi, có thể nhuần thấm trong nếp nghĩ và chi phối những việc làm thường nhật của mỗi cán bộ, đảng viên cũng như của toàn thể quần chúng nhân dân.

Trong *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, khái niệm "tư tưởng Hồ Chí

Minh" được giới thuyết như sau: "Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Marx-Lenin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi". Với ý nghĩa lớn lao như thế, Đảng đã xác định: "lấy Chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam cho mọi hành động và thắng lợi của cách mạng Việt Nam" và thường xuyên tuyên truyền, vận động sâu rộng các tầng lớp xã hội tự giác học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề văn hoá luôn chiếm một vị trí quan trọng. Quan điểm và hoạt động văn hoá của Người không chỉ làm phong phú thêm kho tàng văn hoá của dân tộc mà còn góp phần vào sự tiến bộ và phát triển nền văn minh nhân loại. Từ tháng 8.1943, Hồ Chí Minh đã nêu ra quan niệm về văn hoá như sau: "Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn"¹. Định nghĩa này đã

khái quát được nội hàm sâu rộng, đồng thời cũng chỉ ra nguồn gốc, động lực sâu xa của văn hoá - đó là nhu cầu sinh tồn của con người với tư cách chủ thể hoạt động của đời sống xã hội - một hành vi khác hẳn với hoạt động mang tính bản năng, bày đàn của các loài động vật khác. Theo đó, phạm trù văn hoá không chỉ bao gồm các giá trị tinh thần mà còn cả những hoạt động vật chất, phản ánh tác động của tư duy đến kết quả hoạt động của con người. Văn hóa, suy cho cùng, là toàn bộ những giá trị do mồ hôi, nước mắt và máu xương con người tạo tác nên trong suốt quá trình sinh tồn trên mặt đất này. Những quan điểm của Người về văn hoá đã trở thành định hướng đúng đắn để Đảng ta linh động hoạch định đường lối, sách lược phát triển văn hoá phù hợp với từng giai đoạn cách mạng khác nhau.

Trong tác phẩm *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*², Trần Văn Giàu có nhận định: trong tất cả các lãnh tụ cách mạng trên thế giới ở thế kỷ XX, Hồ Chí Minh là người quan tâm nhiều nhất đến đạo đức - đạo đức cách mạng, đạo đức dân tộc. Ở phần đầu tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927), Hồ Chí Minh đã nêu lên 23 điểm thuộc "Tư cách một người kách mệnh", chủ yếu là các tiêu chuẩn về đạo đức, thể hiện qua 3 mối quan hệ: với bản thân, với người khác và với công việc. Về sau, trong quyển *Đạo đức cách mạng* (1958) Người còn phân tích cặn kẽ thêm: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân". Đạo đức, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là đạo đức mới, luôn đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên

trên lợi ích cá nhân; là sự kết hợp giữa đạo đức truyền thống dân tộc với tinh hoa đạo đức của nhân loại, được hình thành và phát triển để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng nên một chế độ mới ưu việt hơn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là nhà cách mạng, lãnh tụ vĩ đại mà còn là một nhà văn, nhà thơ lớn đã để lại một sự nghiệp văn học có giá trị cao cả, phản ánh chân thực tiến trình đấu tranh cách mạng và gắn bó chặt chẽ với những biến động của đời sống tinh thần dân tộc trong hơn nửa đầu thế kỷ XX. Sinh thời, Người không có ý định tạo lập riêng một sự nghiệp văn chương và cũng chưa bao giờ nhận mình là nghệ sĩ mặc dù có năng khiếu sáng tác và rất đỗi tài hoa. Trong tác phẩm *Búp sen xanh* (Son Tùng) có giới thiệu một bài thất ngôn tứ tuyệt câu chữ hết sức hóm hỉnh, thâm thúy; tương truyền là do người học trò Nguyễn Sinh Cung ứng khẩu để chọc ghẹo cô lái đò:

"Con gái nhà ai trông thấy mà..."

Hình dung chải chuốt thế như là...

Ước gì ta được mà ta cười

Ta cười đem về để nữa ta..."

Trong quá trình hoạt động, Hồ Chí Minh nhận thấy văn chương có thể là phương tiện hữu hiệu để tố cáo tội ác, vạch trần bản chất xấu xa, thủ đoạn thâm độc của bọn cướp nước, bán nước và kêu gọi, tập hợp quần chúng đồng tâm hiệp lực kháng chiến cứu quốc. Quan điểm sáng tác nghệ thuật của Bác hết sức rõ ràng, mang bản chất cách mạng và khuynh hướng vị nhân sinh. Giữa cảnh tù ngục khắc nghiệt của Tưởng Giới Thạch, Người đã bộc lộ rõ quan niệm về bản chất của văn nghệ và vai trò, trách nhiệm người nghệ sĩ:

“Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp
 Mây gió, trăng hoa, tuyết, núi sông
 Nay ở trong thơ nên có thép
 Nhà thơ cũng phải biết xung phong”

(Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”)

Văn chính luận Hồ Chí Minh ngắn gọn, súc tích, giàu chất tranh biện và đa dạng về bút pháp; giọng điệu vừa thấu tình đạt lý vừa đanh thép, hùng hồn; sắc sảo mà vẫn thấm đượm tình cảm. Ở thể loại truyện ký (chủ yếu sáng tác trong thời kỳ hoạt động ở Pháp), Nguyễn Ái Quốc thường sử dụng kiểu bút pháp hiện đại và nghệ thuật trào phúng linh hoạt, tạo nên những tình huống độc đáo, những hình tượng nhân vật sinh động, mang giá trị châm biếm và sức tố cáo mạnh mẽ. Thơ ca là mảng sáng tác thể hiện chân thực và sinh động về đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh, là những thanh âm tinh tế vừa đầy chất thép kiên cường vừa chan chứa tinh thần nhân đạo và dạt dào cảm xúc trước cảnh sắc thiên nhiên. Thơ nhằm mục đích tuyên truyền chính trị thường được viết bằng các thể văn vần dân gian (bài ca, bài vè) với lời lẽ giản dị, mộc mạc, dễ hiểu, dễ nhớ; trong khi những sáng tác nhằm mục đích trữ tình hầu hết là thơ tứ tuyệt bằng chữ Hán, kết hợp hài hòa giữa bút pháp cổ điển với nội dung hiện đại. Có thể khẳng định rằng, sự nghiệp văn chương Hồ Chí Minh có giá trị hết sức to lớn, chứa đựng những thông điệp tư tưởng, tình cảm cao đẹp nên đã tác động sâu xa đến trí tuệ và vun bồi tâm hồn nhiều thế hệ con người Việt Nam.

Xét trên những nét đại thể, văn hóa và đạo đức là hai phạm trù gần nhau, khó phân định ranh giới qua những biểu hiện cụ thể.

Do vậy, trong sáng tác văn chương Hồ Chí Minh, những thông điệp tư tưởng về văn hóa và đạo đức thường không tách bạch mà nhòe lẫn, xuyên thấm vào nhau.

Trước hết, để lý giải căn nguyên quá trình hình thành nhân cách, Hồ Chí Minh khẳng định vai trò quyết định của giáo dục và thử thách thực tiễn. Quan điểm này khác hẳn với thuyết “Nhân chi sơ tính bản thiện” của Nho giáo khi xem tính cách con người là sản phẩm của hoàn cảnh, của giáo dục chứ không còn mang màu sắc siêu hình, chỉ là sự ước định rập khuôn của tạo hóa. Bài thơ *Nửa đêm* đã thể hiện rõ nét tư tưởng này:

“Ngủ thì ai cũng trông lương thiện
 Tỉnh dậy trông ra kẻ dữ hiền
 Hiền dữ phải đâu là tính sẵn
 Phần nhiều do giáo dục mà nên”

Tứ thơ nảy sinh từ việc quan sát một hiện tượng đời sống phổ biến (giác ngủ) rồi nảy sinh sự hoài nghi khi tham chiếu với những định thức sẵn có và sau cùng, bật ra một ý khái quát rất đối biện chứng. Biện pháp nghi vấn tu từ ở câu “luận” đã ngầm mang nét nghĩa khẳng định, làm cơ sở vững chắc cho ý tưởng cốt lõi trong câu “kết”. Sức thuyết phục có được từ kiểu tư duy tam đoạn luận chặt chẽ kết hợp với cách diễn đạt tự nhiên, chùng mực đã góp phần làm nên một bài tứ tuyệt ngộ giản dị mà thật thâm thúy, tinh tế.

Ở một phương diện khác, đạo đức, văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là những phẩm chất mang màu sắc lý thuyết mà mỗi con người đã được thừa hưởng một cách thụ động từ sự “giáo dục” ở từng thời điểm khác nhau của bối cảnh văn hóa xã hội. Vai trò quan trọng của chủ thể trải qua quá trình khảo nghiệm thực tiễn luôn được đặc biệt đề cao:

“Gạo đem vào giã bao đau đớn
 Gạo giã xong rồi trắng tựa bông
 Sống ở trên đời người cũng vậy
 Gian nan rèn luyện mới thành công”

(*Nghe tiếng giã gạo*)

Chủ đề bài thơ khá gần gũi với triết lý dân gian “Có công mài sắt có ngày nên kim”: nhẫn nại, động viên con người cần dũng cảm đối mặt với thử thách, biết kiên trì, khổ luyện để “tu thân” thì mới đạt đến thành công. Nhưng chính sự khác biệt trong cách thể hiện đã tạo nên hiệu ứng tư tưởng không như nhau: nếu chuyện mài sắt thành kim trong câu thành ngữ đơn thuần là giả định thì bao nỗi “đau đớn” của hạt gạo khi bị “giã” cùng kết quả “trắng tựa bông” lại hoàn toàn có thể tận mục sở thị. Rõ ràng, tuy có sử dụng hình ảnh ẩn dụ nhưng thơ Hồ Chí Minh không bóng gió, xa vời mà thật cụ thể, sinh động, dễ hiểu. Phải chăng, tác giả đã tăng cường tối đa yếu tố trực quan khi xây dựng hình ảnh để thông điệp tư tưởng của mình tương thích với tâm đón nhận có phần hạn chế của hơn 90% dân số mù chữ thời bấy giờ?

Tiếp theo, có thể xem phong thái ung dung tự tại và sự kiên định với lập trường phụng sự Tổ quốc, Dân tộc của nhân vật trữ tình là một nét tiêu biểu, gián tiếp biểu hiện tư tưởng về văn hóa và đạo đức cách mạng trong thơ văn Hồ Chí Minh. Cách mạng là một sự nghiệp cao cả, vinh quang vì nó luôn mang lại những điều tốt đẹp hơn cho cộng đồng, dân tộc. Cứu cánh của cách mạng là giải phóng con người khỏi áp bức, bất công; do vậy, cũng đồng nghĩa với cương quyết tranh đấu để xóa bỏ những thế lực phi nhân muốn kiểm tóa, nô lệ hóa con người. Cái giá phải trả cho tự do là sự hi

sinh. Đây vừa là bài học vỡ lòng vừa là lời tuyên thệ thiêng liêng của những người tự nguyện dấn thân vào con đường đấu tranh trường kỳ, đối mặt với muôn vàn gian khổ, hiểm nguy. Văn hóa, đạo đức cách mạng theo đó, là những giá trị đã được thử thách, tôi luyện qua thực tiễn; đồng thời, mức độ vững vàng về lập trường giai cấp, thủy chung trong tình cảm với nhân dân và kiên định với lý tưởng độc lập tự do trở thành thước đo tin cậy nhất đối với tư cách của người chiến sĩ cộng sản. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề này được cụ thể hóa, hình tượng hóa rõ nét trong hai bài ngũ ngôn tứ tuyệt sau đây:

“Thân thể ở trong lao
 Tinh thần ở ngoài lao
 Muốn nên sự nghiệp lớn
 Tinh thần càng phải cao”

(“*Vô đề I*” - *Nhật ký trong tù*)

“Không có việc gì khó
 Chỉ sợ lòng không bền
 Đào núi và lấp biển
 Quyết chí ắt làm nên”

(*Tặng đội thanh niên xung phong*)

Đặt trong tương quan so sánh, mới thấy bút pháp nghệ thuật của tác giả thật linh hoạt và đa dạng, vừa tương thích với mục đích vừa sát hợp với đối tượng cần tác động. Chỉ xét riêng về thể thơ: khi cần khuyếch trương, nhỏ to phân giải thì thể thất ngôn được sử dụng để giọng điệu có phần dằn trải và ý tứ dễ ngấm vào tâm trí người tiếp nhận (*Nửa đêm, Nghe tiếng giã gạo*); nhưng khi cần nêu phương châm (yêu cầu phải gọn, rắn, đanh), nhằm hun đúc tinh thần và giục giã hành động của số đông thì thể ngũ ngôn lại tỏ rõ ưu thế hơn. Cách triển khai tứ thơ cũng

không hề đơn điệu: khi thì theo kiểu quy nạp (nêu hiện tượng trước rồi khái quát, đúc kết thành luận điểm sau), lúc lại theo kiểu diễn dịch (khẳng định trước rồi phân tích, minh chứng sau). Cần lưu ý rằng sự kiên định được đề cao ở đây hoàn toàn không mang màu sắc cực đoan theo kiểu ngu trung, thiếu quyền biến, thúc thời. Trái lại, đó chính là biểu hiện của phong thái an nhiên tự tại, “dĩ bất biến ứng vạn biến” vốn có ở một bậc trí giả đã thông tuệ những quy luật tự nhiên và xã hội:

“Ví không có cảnh đông tàn
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân
Nghĩ mình trong bước gian truân
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng”
(*Tự khuyên mình*)

“Sự vật vắn xoay đà định sẵn,
Hết mưa là nắng hừng lên thôi”
(*Trời hừng*)

Văn hóa, đạo đức cách mạng không chỉ thể hiện trong thế giới quan mà còn được bộc lộ qua nhân sinh quan, với những cung bậc tình cảm yêu-ghét phân minh, đúng đắn. Trước hết, đó là nỗi niềm thiết tha với vận nước, mệnh dân; đặc biệt, trong cảnh nước mất, dân nô lệ:

“Một canh...hai canh...lại ba canh
Trần trọc năm canh giấc chẳng thành
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh”
(*Không ngủ được*)

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”
(*Cảnh khuya*)

“Quốc gia lâm nguy, thất phu hữu trách”, tư tưởng này vốn có nguồn gốc từ truyền thống (là một khía cạnh tiêu biểu của nhân cách kẻ sĩ theo Nho giáo), trong thời kỳ hiện đại đã phát triển thành ý thức về trách nhiệm cao cả của mỗi công dân và luôn được khơi gợi, phát huy ở những thời khắc hiểm nghèo của lịch sử dân tộc. Suy đến cùng, trạng thái thao thức, trăn trở, không yên giấc thường gặp trong thơ Hồ Chí Minh chính là biểu hiện của “mối quan hoài thường trực” (chữ dùng của nhà văn Nguyễn Minh Châu) về phương sách cứu dân, giúp nước thoát khỏi hiểm họa hai tầng áp bức. Mặt khác, khi cảm quan lịch sử đã chi phối trong từng nếp nghĩ, nhà thơ không chỉ đau đáu tìm giải pháp cho thực tại bế tắc mà còn canh cánh âu lo về tiền đồ đất nước:

“Dòng sông lặng ngắt như tờ
Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo
Bốn bề phong cảnh vắng teo
Chỉ nghe cọt két tiếng chèo thuyền nan
Lòng riêng riêng những bàn hoàn
Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng
Thuyền về, trời đã rạng đông
Bao la nhuộm một màu hồng đẹp tươi”
(*Đi thuyền trên sông Đáy*)

Văn hóa, đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh càng được xác lập chắc chắn hơn ở thế đối lập với những biểu hiện phản văn hóa, vô đạo đức. Thế giới quan cách mạng và lập trường của giai cấp vô sản trở thành nền tảng, góp phần củng cố nhận thức về bản chất và nguyên nhân của bất công xã hội; ngộ hầu tìm ra đường lối đúng đắn cho sự nghiệp đấu tranh. Trong truyện ngắn *Con người biết mùi hun khói*, qua hồi ức của nhân vật hư cấu Kimengô - “một cựu chiến sĩ của quân đội cách mạng, một trong những người sáng lập Cộng hòa da đen”,

tác giả đã dùng cảm vạch trần bản chất giả trá, lừa dối của chế độ thuộc địa: “Thời bác thì nước Cộng hoà của chúng ta là thuộc địa Pháp. Trong nước, có người giàu và người nghèo. Người giàu là những kẻ hưởng tất cả, tuy gì cũng chẳng làm. Người nghèo là những kẻ gì cũng làm, mà chẳng được hưởng gì cả. Người nghèo phải chịu chết chóc cho người giàu khi nào bọn này bất hoà với nhau: cái đó gọi là thuế máu. Người nghèo làm ra được cái gì đều phải nộp cho người giàu: cái đó gọi là thuế tiền”.

Ở truyện ngắn *Lời than vãn của bà Trưng Trắc*, mặc dù có sử dụng yếu tố huyền thoại nhưng tác giả tỏ ra hết sức quyết liệt khi trực tiếp châm biếm, lên án hành vi ươn hèn, thiếu trách nhiệm của vua Khải Định trong chuyến đi mang danh nghĩa vi hành nhưng thực chất là du hí (dự đấu xảo tại Paris). Truyện được viết từ năm 1922 - giữa lúc bọn thực dân cướp nước và triều đình phong kiến bù nhìn ra sức tô son, trát phấn hòng che đậy bao điều bất công, tàn ác đang diễn ra - đã có sức tố cáo hết sức mạnh mẽ, góp phần đánh tan ảo tưởng vào các thế lực phản dân, hại nước: “Vua muốn xứng với lòng trời và làm tròn nhiệm vụ chí tôn của mình thì phải chịu khổ trước dân và chia sướng sau dân. Vua phải tuân lệnh trời, mà tiếng dân chính là truyền lại ý trời. Bằng không thì ấy là trời đoạn tuyệt, tổ tiên từ bỏ, nhân dân ruồng rẫy”.

(...) Thật là nhục nhã thậm tệ, thật là chán ngán ghê gớm, thật là cay đắng ê chề xiết bao cho các vị, nếu từ những tầng mây, tổ tiên mi phải trông thấy dân tộc mà các vị đã giành được tự do nay chịu phận nô lệ, đất nước đã được các vị giải thoát nay lâm vào cảnh nô dịch, kẻ kế tục ngai vàng của các vị nay sống trong ươn hèn.

Giờ thì mi lại sắp làm tệ hại hơn nữa. Mi sắp ca ngợi công đức của những đứa bóc lột và hiếp đáp dân mi. Mi sắp phô trương sự thịnh vượng của đất nước mi, cái thịnh vượng được sắp đặt đâu ra đấy trong trí tưởng tượng quá giàu của bọn bóc lột. Mi sắp tâng bốc công ơn vô ngần và tưởng tượng của nền văn minh đã thâm nhập son hà xã tắc của mi bằng mũi nhọn của lưỡi lê và bằng họng súng ca-nông”.

Ở một khía cạnh khác của tư tưởng về văn hóa, đạo đức, cùng với thái độ quyết liệt lên án những thế lực rắp tâm tước đoạt quyền sống con người, Hồ Chí Minh rất mực đề cao tự do; xem đó như một thứ giá trị tuyệt đối, không chỉ có ý nghĩa riêng với tư cách mỗi cá nhân mà còn quyết định phẩm giá, vị thế của cả một dân tộc. Cùng với độc lập của Tổ quốc, tự do cho Dân tộc ngay từ đâu đã được xác định là hai mục tiêu tối thượng của đấu tranh cách mạng. Đây cũng là quan điểm nhất quán, xuyên suốt quá trình sáng tác của Hồ Chí Minh. Trong hoàn cảnh lao tù đầy gian lao, khổ ải, mặc dù có thể “ngheh diện” ngạo nghễ trước mọi thử thách nhưng người chiến sĩ cộng sản trung kiên vẫn không khỏi chạnh lòng khi nghĩ đến hai chữ tự do:

“Trên đời nghìn vạn điều cay đắng
Cay đắng chi bằng mất tự do”

(*Cánh binh khiêng lợn cùng đi*)

Tháng 12.1946, khi nền độc lập vừa giành được lại có nguy cơ bị tước đoạt, trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, Hồ Chí Minh đã khẳng định quyết tâm sắt đá của toàn dân tộc: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Và hơn lúc nào hết, tự nguyện dấn thân vào kháng chiến để

giành lại tự do trở thành nghĩa cử thiêng liêng, cao đẹp nhất: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc”. Đến tháng 7.1966, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ đang hồi ác liệt, khát vọng tự do một lần nữa vọng vang trong lời hiệu triệu đồng bào và chiến sĩ cả nước quyết tâm đánh giặc: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Rõ ràng, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tự do là một giá trị văn hóa và đấu tranh giành, giữ tự do là biểu hiện cao đẹp nhất của nhân cách, đạo đức cách mạng.

Văn hóa, đạo đức cách mạng còn được biểu hiện sinh động qua nếp sống thanh đạm, khiêm cung, trọng nghĩa tình và niềm lạc quan, tin tưởng mãnh liệt vào tiền đồ đất nước. Như chúng ta đều biết, trong hành trình bốn ba tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã thực sự trải nghiệm, tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Nhưng hình như tất cả chỉ để tham khảo, ngoại giao, là phương tiện hỗ trợ thực tiễn đấu tranh khi cần thiết; còn trong bản chất của đời sống tinh thần, Người đã giữ vẹn cốt cách một hiền triết phương Đông. Con người ấy luôn an nhiên, tự tại trong mỗi giao hòa bền chặt và rộng mở tâm hồn để cảm nhận những vẻ đẹp của thiên nhiên, tạo vật.

Giữa chốn lao tù của Tường Giới Thạch, vừa thường xuyên đối mặt với sự đày ải tàn độc vừa tím ruột bầm gan vì nước nhà đang trong cơn “nước sôi lửa bỏng”, vậy mà người chiến sĩ cộng sản vẫn sẵn lòng đón nhận trọn vẹn bao thanh sắc thiên nhiên đậm đà chốn núi rừng với một niềm ưu ái, háo hức lạ thường:

“Mặc dù bị trói chân tay
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng
Vui say ai cấm ta đừng
Đường xa âu cũng bớt chùng quanh hiu”
(*Trên đường đi*)

Những năm tháng ở chiến khu Việt Bắc, biết là muôn vàn gian khổ, thiếu thốn, hiểm nguy, nhưng khi được tái hiện trong thơ Hồ Chí Minh thì dường như bao nhiêu nhọc nhằn, u ám đã tan biến hết; đời sống kháng chiến được phác họa thành những bức tranh sơn thủy hữu tình với rộn rã âm thanh, đậm đà hương vị và ấm áp tình đời, tình người. Hoàn toàn không phải là sản phẩm có được từ thủ pháp thi vị hóa của chủ nghĩa lãng mạn nhằm mục đích nói giảm, nói tránh để huyễn hoặc mình và phỉnh lừa người khác; trái lại, đó chính là hồi quang tất yếu từ sự hòa hợp, tương giao giữa chủ thể với khách thể, giữa tâm thế ung dung trước thực tại khắc nghiệt với niềm lạc quan tin tưởng vào tương lai tươi sáng. Qua các bài thơ *Tức cảnh Pác Bó*, *Cảnh rừng Việt Bắc*, *Cảnh khuya...* hình tượng người chiến sĩ cộng sản hiện ra chân thực, sinh động trong mỗi giao hòa hữu cơ bền chặt với hệ sinh thái tự nhiên và xã hội xung quanh:

“Sáng ra bờ suối tối vào hang
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang”
(*Tức cảnh Pác Bó*)

“Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày
Khách đến thì mời ngô nếp nướng
Sẵn về thường chén thịt rừng quay
Non xanh nước biếc tha hồ dạo

Rượu ngọt, chè tươi mặc sức say
Kháng chiến thành công ta trở lại
Trăng xưa, hạc cũ với xuân này”

(*Cảnh rừng Việt Bắc*)

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”

(*Cảnh khuya*)

Bức thông điệp về nếp nghĩ và cách sống giản dị mà cao khiết, tận trung tận hiến cho dân cho nước còn được Hồ Chí Minh ký thác trọn vẹn ở nội dung sau cùng: “Về việc riêng” trong những trang *Di chúc* bất hủ. Không hề cao giọng răn dạy hay phán truyền bằng sáo ngữ, câu chữ ở trong *Di chúc* thật nhỏ nhẹ, từ tốn mà trĩu nặng tâm sự vì bao “nỗi nước nhà” còn chưa được an định như mong muốn:

“Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức phúng điếu linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.

Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng”.

Chắc hẳn không phải ngẫu nhiên hay có một sự ưu ái đặc biệt nào khi UNESCO ra nghị quyết truy phong Hồ Chí Minh là “Anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam”, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người (1990). Di sản

vô giá Người để lại cho hậu thế không chỉ là một đất nước thống nhất, độc lập, một dân tộc tự do mà còn là một nhân cách cao đẹp và một sự nghiệp cao cả; từ đó có thể trích xuất ra, nhân lên để phát huy thật nhiều giá trị cho cả hôm nay và mai sau. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, để “hòa nhập” mà không “hòa tan”, vừa thích ứng với những giá trị mới vừa giữ được bản sắc nguồn cội riêng - hơn lúc nào hết, việc nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh càng mang ý nghĩa to lớn cả về lý luận lẫn thực tiễn cách mạng. Hẳn nhiên, không phải tất cả nội dung phong phú và đa dạng của tư tưởng Hồ Chí Minh đều được hiển lộ qua văn chương. So với những trước tác mang đậm tính chất lý luận để trực tiếp phục vụ mục đích chính trị thì sự nghiệp văn chương Hồ Chí Minh có phần khiêm tốn hơn, bởi như đã trình bày ở phần trước, Người không chú tâm lập thân ở lĩnh vực nghệ thuật ngôn từ. Nhưng phải thừa nhận rằng những bình diện tư tưởng về văn hóa, đạo đức cách mạng thấm đượm trong trang văn trang thơ của Người là tinh tế, sâu sắc, thâm thúy nhất và bản chất nhất nên có sức thuyết phục, lay động lòng người. Có thể khảo sát những biểu hiện này như thành phần cốt tủy trong tư tưởng Hồ Chí Minh, rồi từ cơ sở đó mà lan tỏa ra những phạm vi nghiên cứu toàn diện, đầy đủ hơn. ■

Chú thích:

¹ Giáo trình *Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị - Hành chính, 2011.

² NXB Thành phố HCM, 1993.